

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Trụ sở chính đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Bộ phận kinh doanh bán buôn và bán lẻ trực thuộc Công ty thương mại đầu tư và phát triển Bình Dương (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) theo Quyết định số 30/2002/QĐ-UB ngày 20 tháng 3 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 3700413826 (số cũ là 4603000041), đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12 tháng 1 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<i>Cổ đông</i>	<i>Vốn góp (VND)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	607.005.000.000	60,70%
Ông Nguyễn Tấn Lợi	4.350.000.000	0,43%
Ông Lê Minh Tâm	2.921.700.000	0,29%
Ông Đoàn Văn Thuận	3.204.000.000	0,32%
Bà Lê Thị Diệu Thanh	4.350.000.000	0,43%
Các cổ đông khác	378.169.300.000	37,83%
Cộng	1.000.000.000.000	100,00%

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 4 năm 2010 với mã chứng khoán là TDC.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (84 – 650) 2 220 666 – 2 220 677
Fax : (84 – 650) 2 220 678
Mã số thuế : 3 7 0 0 4 1 3 8 2 6

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng Bình Dương	Đường DT 743, phường Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Mỹ Phước	Đường D1, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp cầu kiện bê tông đúc sẵn TDC	Đường Vành đai, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng	Thôn Ngô Yên, xã An Hồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng
Chi nhánh 3 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	107 – 109 – 111 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	ấp 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hà Nội	Phòng 604, tầng 06, toà nhà Noza, số 243 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sân giao dịch bất động sản Myland	Đường TC3, làng chuyên gia Ruby Land, khu phố 04, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh 02 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng	Toà nhà Central, số 43 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sân giao dịch bất động sản Myland tại Bàu Bàng	Đường NC khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Đại lý phân phối hàng hóa cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước. Mua bán hóa chất (trừ hoá chất bảng 01 theo công ước Quốc tế), máy móc thiết bị, thiết bị điện, điện tử, vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất. Nhập khẩu và mua bán các thiết bị thể thao;
- Kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản. Sân giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản). Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng. Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Gia công chế biến đá xây dựng. Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn. Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng kiến trúc;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội ngoại thất công trình. Lập dự án đầu tư;
- Đầu tư tài chính;
- Lập dự án đầu tư. Kinh doanh các công việc phụ trợ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao;
- Tổ chức các trận thi đấu bóng đá;
- Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu và lợi nhuận kỳ này đều giảm so với kỳ trước chủ yếu là do Công ty bàn giao được ít các căn hộ hơn so với kỳ trước và Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Mỹ Phước đã tách ra hạch toán độc lập.

Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình với số tiền là 16,3 tỷ VND làm ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Trụ sở chính được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 41).

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 4 năm 2012 như sau:

- Trích Quỹ thưởng ban Quản lý, điều hành:	868.000.000 VND
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	8.522.394.987 VND
- Chia cổ tức:	<u>200.000.000.000 VND</u>
Cộng:	<u>209.390.394.987 VND</u>

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Bùi Thị Lan	Chủ tịch	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Quản Văn Viết Cường	Thành viên	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Lê Minh Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	-
Ông Đoàn Văn Thuận	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-
Bà Huỳnh Thị Phương Thảo	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Dương Hồng Ty	Trưởng ban	07 tháng 11 năm 2003	-
Bà Nguyễn Ngô Hường Dương	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	-
Bà Lê Thị Diệu Thanh	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Văn Thuận	Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Lê Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Phan Minh Lâm	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 02 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Trụ sở chính.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Trụ sở chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Bùi Thị Lan
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 8 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0773/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Trụ sở chính gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 23 tháng 7 năm 2012, từ trang 07 đến trang 41 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số VII.8 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ về việc Công ty xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ của nợ ngắn hạn là 5.128.341.865 VND (số cuối năm trước là 5.278.598.846 VND) được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì được kết chuyển vào chi phí theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Thị Phước Tiên

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1199/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,543,421,572,478	2,483,719,573,498
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12,966,648,079	62,786,751,959
1. Tiền	111		8,966,648,079	8,786,751,959
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,000,000,000	54,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4,905,152,600	10,727,694,669
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	7,965,009,825	12,593,383,585
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(3,059,857,225)	(1,865,688,916)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,183,421,731,963	1,183,582,580,309
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	1,024,768,302,465	1,064,380,376,263
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	33,255,596,987	82,985,947,480
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.6	112,931,216,559	24,095,345,416
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.7	16,665,224,929	16,319,520,127
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.8	(4,198,608,977)	(4,198,608,977)
IV. Hàng tồn kho	140		1,334,298,455,783	1,223,172,005,540
1. Hàng tồn kho	141	V.9	1,334,298,455,783	1,223,172,005,540
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7,829,584,053	3,450,541,021
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4,146,959,159	2,707,828,523
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	3,682,624,894	742,712,498

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		172,427,567,117	166,680,062,202
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-

3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		30,291,056,651	84,942,189,644
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	12,195,648,114	57,426,882,696
<i>Nguyên giá</i>	222		21,281,021,991	94,266,585,063
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(9,085,373,877)	(36,839,702,367)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	7,025,647,031	7,108,048,253
<i>Nguyên giá</i>	228		7,773,572,743	7,773,572,743
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(747,925,712)	(665,524,490)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	11,069,761,506	20,407,258,695
III. Bất động sản đầu tư	240	V.14	1,837,841,335	1,930,505,605
<i>Nguyên giá</i>	241		2,409,271,000	2,409,271,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(571,429,665)	(478,765,395)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		138,252,502,951	76,470,900,192
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	93,845,000,000	21,494,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	2,235,910,000	7,635,910,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	51,160,000,000	50,860,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(8,988,407,049)	(3,519,009,808)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2,046,166,180	3,336,466,761
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	616,156,495	1,851,003,251
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.20	467,816,830	467,816,830
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.21	962,192,855	1,017,646,680
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,715,849,139,595	2,650,399,635,700

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,632,418,602,466	1,391,587,695,467
I. Nợ ngắn hạn	310		1,476,132,464,350	1,234,477,185,839
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	160,732,064,343	117,580,482,251
2. Phải trả người bán	312	V.23	315,828,560,954	341,726,012,269
3. Người mua trả tiền trước	313	V.24	293,244,178,059	232,410,114,597
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.25	6,762,056,747	26,302,562,289
5. Phải trả người lao động	315	V.26	2,023,576,840	2,565,875,762
6. Chi phí phải trả	316	V.27	435,711,238,649	390,161,886,500
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.28	250,308,282,083	99,400,138,538
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.29	8,406,661,002	22,006,731,427
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.30	3,115,845,673	2,323,382,206
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		156,286,138,116	157,110,509,628

1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.31 150,000,000,000	150,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.12 294,385,950	339,904,697
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.32 5,991,752,166	6,770,604,931
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1,083,430,537,129	1,258,811,940,233
I. Vốn chủ sở hữu	410	1,083,430,537,129	1,258,811,940,233
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.33 1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.33 1,841,123,840	1,841,123,840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.33 4,640,739,814	4,640,739,814
4. Cổ phiếu quỹ	414	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.33 (5,128,341,865)	(5,278,598,846)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.33 28,331,589,757	28,331,589,757
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.33 13,537,934,890	13,537,934,890
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.33 40,207,490,693	215,739,150,778
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	2,715,849,139,595	2,650,399,635,700

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		14,224,277	14,224,277
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 23 tháng 7 năm 2012



Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

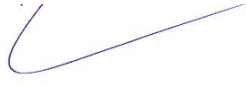
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	556,786,246,343	738,500,963,443
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	35,536,708,405	5,544,377,273
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	521,249,537,938	732,956,586,170
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	452,399,477,642	623,034,079,793
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68,850,060,296	109,922,506,377
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14,154,756,316	6,255,986,311
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	21,067,430,927	10,977,426,232
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14,079,041,555	9,777,791,770
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	22,867,911,628	18,768,749,878
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	14,510,868,031	14,366,458,427
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24,558,606,026	72,065,858,151
11. Thu nhập khác	31	VI.7	21,337,807,271	15,941,919,085
12. Chi phí khác	32	VI.8	1,663,043,628	130,942,381
13. Lợi nhuận khác	40		19,674,763,643	15,810,976,704
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44,233,369,669	87,876,834,855
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.25	10,374,634,767	21,852,179,641
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>33,858,734,902</u>	<u>66,024,655,214</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>-</u>	<u>-</u>

11

Bình Dương, ngày 23 tháng 7 năm 2012



Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		44,233,369,669	87,876,834,855
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11;V.12;V.14	1,668,393,889	2,024,452,087
- Các khoản dự phòng	03	V.3; V.18	6,663,565,550	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	439,592,214
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3;VI.7;VI.8	(6,167,564,823)	4,807,580,647
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	14,079,041,555	9,777,791,770
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		60,476,805,840	104,926,251,573
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(38,109,729,543)	(5,974,271,435)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(111,126,450,243)	(264,002,177,414)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		138,987,640,352	843,159,222,018
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,234,846,756	(130,385,943)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10,549,702,370)	(9,793,817,525)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.25	(30,450,397,009)	(15,932,210,245)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		35,676,443,976	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(41,701,405,020)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4,438,052,739	652,252,611,029
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11;V.13	(394,596,000)	(12,971,136)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	2,457,450,710	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(67,060,995,535)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	114,151,040,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.15; V.17	(27,831,000,000)	(1,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-

7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.7; VI.3	6,609,032,579	6,744,044,100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19,159,112,711)	52,821,117,429

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

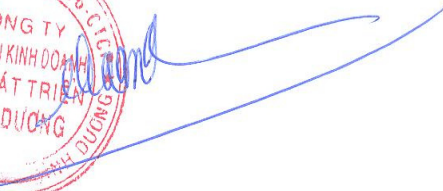
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(220,000,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.22	203,932,064,343	15,044,412,049
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.22	(160,780,482,251)	(641,893,183,131)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.33	(78,250,626,000)	(371,518,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(35,099,043,908)	(627,440,289,082)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(49,820,103,880)	77,633,439,376
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	62,786,751,959	32,473,696,594
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại t	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	12,966,648,079	110,107,135,970


 Nguyễn Thị Tuyết Nga
 Người lập biểu


 Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 23 tháng 7 năm 2012


 Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và kinh doanh bất động sản.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản. Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cầu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 Công ty có 366 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 366 nhân viên).
- 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Doanh thu và lợi nhuận kỳ này đều giảm so với kỳ trước chủ yếu là do Công ty bàn giao được ít các căn hộ hơn so với kỳ trước và Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Mỹ Phước đã tách ra hạch toán độc lập.

Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình với số tiền là 16,3 tỷ VND làm ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	13

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong thời gian từ 02 - 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính tối đa bằng 05% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	05%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	10%

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011: 20.828 VND/USD
30/6/2012 : 20.828 VND/USD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	611.965.062	494.058.112
Tiền gửi ngân hàng	8.354.683.017	8.292.693.847
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	54.000.000.000
Cộng	12.966.648.079	62.786.751.959

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng. Trong đó, hợp đồng tiền gửi trị giá 3.000.000.000 VND đang được cầm cố tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		7.965.009.825		12.593.383.585
- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	416.609	4.762.267.440	261.409	3.305.620.570
- Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	190.697	3.202.682.385	190.697	3.202.682.385
- Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	6	60.000	445.916	4.921.390.000
- Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)	-	-	174.800	1.163.690.630
Cộng		7.965.009.825		12.593.383.585

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu của Công ty cổ phần khoáng sản Becamex: tăng do mua thêm 155.200 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.456.646.870 VND.
- Cổ phiếu của Công ty cổ phần bê tông Becamex: giảm do bán cổ phiếu đã đầu tư.
- Cổ phiếu của Công ty cổ phần phát triển đô thị: giảm do bán cổ phiếu đã đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	1.865.688.916
Trích lập dự phòng bổ sung	1.194.168.309
Số cuối kỳ	3.059.857.225

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng kinh doanh hàng hoá	227.782.259.022	316.295.691.898
Các khách hàng kinh doanh bất động sản	796.986.043.443	748.084.684.365
Cộng	1.024.768.302.465	1.064.380.376.263

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước tiền kinh doanh bất động sản	32.026.083.842	81.696.387.480
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	700.848.145	1.243.360.000
Trả trước các nhà cung cấp khác	528.665.000	46.200.000
Cộng	33.255.596.987	82.985.947.480

6. Phải thu nội bộ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Mỹ Phước	84.221.987.298	-
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng	17.347.450.345	16.184.445.935
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại huyện Chơn Thành – Bình Phước	11.361.778.916	7.910.899.481
Cộng	112.931.216.559	24.095.345.416

7. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	-	238.468.798
Thuế giá trị gia tăng đã nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	10.659.250.806	9.749.356.287
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	2.308.945.403	2.071.107.280
Cổ tức phải thu	2.014.372.903	3.129.652.903
Phải thu tiền bán cổ phần	540.000.000	-
Khoản bồi thường vật tư thi công phải thu	486.320.835	486.230.835
Các khoản phải thu khác	656.334.982	644.704.024
Cộng	16.665.224.929	16.319.520.127

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	16.646.240	16.646.240
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	112.854.155	112.854.155
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	4.069.108.582	4.069.108.582
Cộng	4.198.608.977	4.198.608.977

9. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.730.696.549	9.483.125.487
Công cụ dụng cụ	762.467.487	960.223.127
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.238.384.776.215	1.148.733.393.215
Thành phẩm	2.146.072.237	1.599.713.093
Hàng hóa	89.274.443.295	62.395.550.618
Cộng	1.334.298.455.783	1.223.172.005.540

10. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho nhân viên.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	9.779.021.099	14.089.168.835	68.639.165.848	1.675.968.196	83.261.085	94.266.585.063
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	17.546.000	8.567.803.693	327.187.271	-	8.912.536.964
Tăng do điều chuyển nội bộ	-	-	1.560.451.366	-	-	1.560.451.366
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.693.487.730)	-	-	(2.693.487.730)
Giảm do điều chuyển nội bộ	(6.024.354.152)	(12.806.481.453)	(61.850.810.353)	(83.417.714)	-	(80.765.063.672)
Số cuối kỳ	3.754.666.947	1.300.233.382	14.223.122.824	1.919.737.753	83.261.085	21.281.021.991
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	932.714.953	169.426.571	1.196.879.864	648.390.262	83.261.085	3.030.672.735
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.676.451.721	5.778.913.547	26.241.887.698	1.059.188.316	83.261.085	36.839.702.367
Khấu hao trong kỳ	198.435.984	98.160.252	1.031.640.886	165.091.275	-	1.493.328.397
Tăng do điều chuyển nội bộ	-	-	1.148.318.062	-	-	1.148.318.062
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.148.318.062)	-	-	(1.148.318.062)
Giảm do điều chuyển nội bộ	(1.967.148.188)	(5.290.532.445)	(21.926.522.417)	(63.453.837)	-	(29.247.656.887)
Số cuối kỳ	1.907.739.517	586.541.354	5.347.006.167	1.160.825.754	83.261.085	9.085.373.877

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.102.569.378	8.310.255.288	42.397.278.150	616.779.880	-	57.426.882.696
Số cuối kỳ	1.846.927.430	713.692.028	8.876.116.657	758.911.999	-	12.195.648.114
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 19.650.923.232 VND và 12.873.146.811 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.629.372.000	144.200.743	7.773.572.743
Số cuối kỳ	7.629.372.000	144.200.743	7.773.572.743
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	107.555.743	107.555.743
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	546.771.660	118.752.830	665.524.490
Khấu hao trong kỳ	76.293.720	6.107.502	82.401.222
Số cuối kỳ	623.065.380	124.860.332	747.925.712
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.082.600.340	25.447.913	7.108.048.253
Số cuối kỳ	7.006.306.620	19.340.411	7.025.647.031
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	10.712.290.864	394.596.000	(8.912.536.964)	(768.775.000)	1.425.574.900
XDCB dở dang	9.644.186.606	-	-	-	9.644.186.606
Sửa chữa lớn TSCĐ	50.781.225	34.811.269	-	(85.592.494)	-
Cộng	20.407.258.695	429.407.269	(8.912.536.964)	(854.367.494)	11.069.761.506

14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.409.271.000	478.765.395	1.930.505.605
Khấu hao trong kỳ	-	92.664.270	-
Số cuối kỳ	2.409.271.000	571.429.665	1.837.841.335

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	132.000.000	132.000.000
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	92.664.270	92.664.270

15. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân ⁽ⁱ⁾	3.600.000	36.000.000.000	1.561.000	15.610.000.000
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt ⁽ⁱⁱ⁾	5.525.000	5.525.000.000	288.400	2.884.000.000
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ ⁽ⁱⁱⁱ⁾		3.000.000.000		3.000.000.000
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex ^(iv)	1.566.000	15.660.000.000	-	-
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex ^(v)	3.060.000	33.660.000.000	-	-
Cộng		93.845.000.000		21.494.000.000

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701545462 thay đổi lần thứ 03 ngày 15 tháng 7 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân là 15.610.000.000 VND, tương đương 60,04% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty góp vốn thêm 20.390.000.000 VND nâng tỷ lệ góp vốn lên 81,58% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701535016 thay đổi lần thứ 04 ngày 25 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt 5.525.000.000 VND, tương đương 69,06% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700650584 thay đổi lần thứ 02 ngày 19 tháng 10 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ là 8.000.000.000 VND, tương đương 50,00% vốn điều lệ. Tuy nhiên đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã góp 3.000.000.000 VND chiếm 79,37% so với số vốn góp thực tế tại Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ (các thành viên còn lại không góp bổ sung).
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700877200 thay đổi lần thứ 03 ngày 26 tháng 9 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex là 5.400.000.000 VND, tương đương 20,00% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty mua thêm 1.080.000 cổ phiếu với giá trị là 10.800.000.000 VND và chuyển nhượng 54.000 cổ phiếu với giá trị chuyển nhượng là 540.000.000 VND (Thuyết minh V.6). Cuối kỳ, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex là 15.660.000.000 VND, tương đương 58,00% vốn điều lệ.
- (v) Trong kỳ, Công ty đã mua 3.060.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex với giá mua và chi phí mua là 33.660.000.000 VND, tương đương 51,00% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Sinviet ⁽ⁱ⁾		2.235.910.000		2.235.910.000
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	540.000	5.400.000.000
Cộng		2.235.910.000		7.635.910.000

(i) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trưởng ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.

(ii) Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex với số tiền 15.660.000.000 VND tương đương 58,00% vốn điều lệ nên chuyển sang trình bày ở khoản đầu tư vào Công ty con. (Thuyết minh V.15)

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu:				
- Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
- Công ty cổ phần dược Becamex	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
- Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	1.700.000	13.800.000.000	1.700.000	13.800.000.000
- Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	1.464.000	14.640.000.000	1.464.000	14.640.000.000
- Trường đại học quốc tế Miền Đông	1.440.000	14.400.000.000	1.440.000	14.400.000.000
- Công ty cổ phần Bông đá chuyên nghiệp Việt Nam ^(*)	30.000	300.000.000	-	-
Cộng		51.160.000.000		50.860.000.000

(*) Cổ phiếu của Công ty cổ phần Bông đá chuyên nghiệp Việt Nam: tăng do mua thêm 30.000 cổ phiếu với giá mua 300.000.000 VND.

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	3.519.009.808	3.018.015.175
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	5.469.397.241	500.994.633
Cộng	8.988.407.049	3.519.009.808

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	3.519.009.808
Trích lập dự phòng bổ sung	5.469.397.241
Số cuối kỳ	8.988.407.049

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**19. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	1.467.937.168	324.043.640	(232.351.292)	(966.036.100)	593.593.416
Chi phí thuê văn phòng	301.813.807	-	(143.413.807)	(158.400.000)	-
Chi phí khác	81.252.276	-	(58.689.197)	-	22.563.079
Cộng	1.851.003.251	324.043.640	(434.454.296)	(1.124.436.100)	616.156.495

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

21. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

22. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

Số đầu năm	117.580.482.251
Số tiền vay phát sinh	203.932.064.343
Số tiền vay đã trả	(160.780.482.251)
Số cuối kỳ	160.732.064.343

23. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	150.961.095.825	137.027.399.931
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	164.191.187.226	203.744.206.374
Phải trả các nhà cung cấp khác	676.277.903	954.405.964
Cộng	315.828.560.954	341.726.012.269

24. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	48.041.393.327	6.670.887.588
Các khoản người mua trả tiền trước khác	245.202.784.732	225.739.227.009
Cộng	293.244.178.059	232.410.114.597

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.212.580.303	(2.212.580.303)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.596.179.269	(4.596.179.269)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.185.301.003	10.374.634.767	(30.450.397.009)	4.109.538.761
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	2.071.107.280	597.199.736	(141.148.312)	2.527.158.704
Thuế thu nhập cá nhân	46.154.006	491.756.183	(412.550.907)	125.359.282
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Cộng	26.302.562.289	18.281.350.258	(37.821.855.800)	6.762.056.747

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.233.369.669	87.876.834.855
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.734.830.600)	(468.116.291)
Thu nhập tính thuế	41.498.539.069	87.408.718.564
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.374.634.767	21.852.179.641

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 02% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

26. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả.

27. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	46.471.589.185	28.533.916.667
Trích trước chi phí công trình	389.239.649.464	361.627.969.833
Cộng	435.711.238.649	390.161.886.500

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	350.265.680	232.381.194
Cổ tức phải trả	121.895.206.124	145.832.124
Thu hộ tiền bán đất cho Becamex	60.635.851.650	59.722.057.650
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	21.074.586.500	22.415.585.750
Nhận ký quỹ môi giới	462.156.024	7.735.073.500
Tiền mua cổ phần	44.460.000.000	4.800.000.000
Tiền rút thăm trúng thưởng	-	2.186.000.000
Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án	180.000.000	190.000.000
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	977.300.448	690.111.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	272.915.657	1.283.097.120
Cộng	250.308.282.083	99.400.138.538

29. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	22.006.731.427
Tăng do trích lập trong kỳ	3.076.091.319
Số đã sử dụng	(247.761.983)
Hoàn nhập trong kỳ	(16.277.359.305)
Giảm do thanh lý hợp đồng	(151.040.456)
Số cuối kỳ	8.406.661.002

30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.996.252.157	6.628.529.434	1.000.000	(6.748.693.520)	1.877.088.071
Quỹ phúc lợi	(21.017.914)	1.893.865.553	-	(902.238.000)	970.609.639
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	348.147.963	868.000.000	-	(948.000.000)	268.147.963
Cộng	2.323.382.206	9.390.394.987	1.000.000	(8.598.931.520)	3.115.845.673

31. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên để đầu tư xây dựng dự án TDC Plaza.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Dưới 01 năm	-
Trên 01 năm đến 05 năm	150.000.000.000
Tổng nợ	150.000.000.000

32. Doanh thu chưa thực hiện

Lãi bán nhà trả góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**33. Vốn chủ sở hữu*****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 42.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	78.250.626.000
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	78.250.626.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ của các khoản công nợ ngắn hạn.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	556.786.246.343	738.500.963.443
- <i>Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng</i>	252.294.193.264	149.542.311.702
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	8.599.297.200	96.866.377.045
- <i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	294.674.492.172	488.903.471.316
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.218.263.707	3.188.803.380
Các khoản giảm trừ doanh thu: (Hàng bán bị trả lại)	(35.536.708.405)	(5.544.377.273)
Doanh thu thuần	521.249.537.938	732.956.586.170
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần kinh doanh vật liệu xây dựng</i>	252.294.193.264	149.542.311.702
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	8.599.297.200	96.866.377.045
- <i>Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản</i>	259.137.783.767	483.359.094.043
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	1.218.263.707	3.188.803.380

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng	243.319.172.740	140.343.522.299
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	6.808.942.151	89.995.845.372
Giá vốn kinh doanh bất động sản	201.704.378.852	392.619.046.307
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	566.983.899	75.665.815
Cộng	452.399.477.642	623.034.079.793

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.520.453.181	4.625.762.465
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	152.118.017	891.123.747
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.734.830.600	336.449.900
Lãi bán hàng trả chậm	710.578.543	371.141.199
Lãi đầu tư cổ phiếu	7.842.541.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	194.234.975	31.509.000
Cộng	14.154.756.316	6.255.986.311

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	14.079.041.555	9.777.791.770
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	296.949.369	669.854.500
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	506.618.100
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn	6.663.565.550	-
Chi phí khác	27.874.453	23.161.862
Cộng	21.067.430.927	10.977.426.232

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.241.949.996	4.588.327.078
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	364.466.427	903.273.520
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143.480.820	258.748.733
Chi phí hoa hồng môi giới	782.267.871	1.389.497.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.471.487.421	2.230.748.226
Chi phí khác	11.864.259.093	9.398.154.618
Cộng	22.867.911.628	18.768.749.878

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.460.754.773	5.408.818.859
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	270.343.314	264.205.777
Chi phí khấu hao tài sản cố định	830.415.868	762.524.610
Chi phí dự phòng	716.945.995	643.637.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.232.408.081	7.287.272.068
Chi phí khác	6.460.754.773	5.408.818.859
Cộng	14.510.868.031	14.366.458.427

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.457.450.710	181.818.182
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	16.277.359.305	6.579.425.864
Thành phẩm bê tông thừa	-	2.107.445.618
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	2.343.455.826	6.809.895.300
Thu nhập khác	259.541.430	263.334.121
Cộng	21.337.807.271	15.941.919.085

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.545.169.668	-
Chi phí khác	117.873.960	130.942.381
Cộng	1.663.043.628	130.942.381

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.137.723.373	83.428.476.498
Chi phí nhân công	13.478.239.807	14.520.933.326
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.652.673.583	5.564.543.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.188.433.416	8.777.857.319
Chi phí khác	18.196.469.095	17.385.266.010
Cộng	44.653.539.274	129.677.076.627

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	480.000.000	461.250.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	45.460.200	-
Tiền thưởng	281.000.000	275.000.000
Cộng	806.460.200	736.350.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Cổ đông đại diện vốn nhà nước
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt	Công ty con
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	Công ty con
Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân	Công ty con
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty con
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex	Công ty con
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty liên kết
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức	Công ty liên kết
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên doanh
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị - UDJ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Xuất bán hàng hoá và dịch vụ	63.493.236.405	49.436.638.376
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	253.953.045.051
Các khoản khác	-	12.637.085
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt		
Bán nguyên vật liệu	1.441.948.991	-
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ		
Nhận cung cấp dịch vụ	1.156.224.657	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	15.827.655	-
Bán tài sản	1.136.363.636	-
Mua nguyên vật liệu	-	4.914.135.097
Cho thuê mặt bằng	198.000.000	-
Nhận cung cấp dịch vụ thi công cửa	11.090.873.224	-
Mua nguyên vật liệu	-	4.914.135.097
<i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex</i>		
Mua nguyên liệu	7.517.964.846	8.710.173.830
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	4.632.219.898	20.607.394.706
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Bán nguyên vật liệu	-	4.583.357.552
Mua nguyên vật liệu	425.388.700	-
<i>Công ty cổ phần dược Becamex</i>		
Mua đất nền	55.180.783.775	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	10.690.807.247	48.817.254.473
Ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	62.673.531.692
<i>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt</i>		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất	4.040.100.000	4.040.100.000
Bán nguyên vật liệu	5.667.696.005	367.326.204
<i>Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ</i>		
Ứng trước tiền cung cấp dịch vụ	-	338.910.030
<i>Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân</i>		
Tiền bán tài sản	-	200.000.000
Tiền xây dựng nhà máy và dây chuyền sản xuất cửa nhựa	8.261.281.528	7.530.474.290
Ứng trước tiền thi công công trình	-	1.053.533.232
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	2.951.279.756	42.855.837.868

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Tiền bán nguyên vật liệu	-	572.977.739
Cộng nợ phải thu	31.611.164.536	168.449.945.528
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Phải trả tiền ứng trước mua nguyên vật liệu	-	59.722.057.650
Vay dài hạn	150.000.000.000	150.000.000.000
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt		
Phí giám sát, tư vấn thiết kế	753.147.600	5.869.931.773
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex		
Tiền mua nguyên vật liệu	573.840.000	6.126.548.610
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Tiền mua nguyên vật liệu	467.927.570	-
Công ty cổ phần dược Becamex		
Tiền mua đất nền	64.233.930.000	34.522.710.000
Cộng nợ phải trả	216.028.845.170	256.241.248.033

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bê tông nhựa nóng.
- Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản: xây dựng và kinh doanh các căn hộ.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 43 đến trang 45.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.966.648.079	62.786.751.959	12.966.648.079	62.786.751.959
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	56.065.152.600	61.587.694.669	56.065.152.600	61.587.694.669
Phải thu khách hàng	1.020.569.693.488	1.060.181.767.286	1.020.569.693.488	1.060.181.767.286
Các khoản phải thu khác	8.341.846.469	6.259.415.738	8.341.846.469	6.259.415.738
Cộng	1.097.943.340.636	1.190.815.629.652	1.097.943.340.636	1.190.815.629.652
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	315.828.560.954	341.726.012.269	315.828.560.954	341.726.012.269
Vay và nợ	310.732.064.343	267.580.482.251	310.732.064.343	267.580.482.251
Phải trả người lao động	2.023.576.840	2.565.875.762	2.023.576.840	2.565.875.762
Chi phí phải trả	435.711.238.649	390.161.886.500	435.711.238.649	390.161.886.500
Các khoản phải trả khác	259.009.329.035	121.746.774.662	259.009.329.035	121.746.774.662
Cộng	1.323.304.769.821	1.123.781.031.444	1.323.304.769.821	1.123.781.031.444

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tiền gửi có kỳ hạn và tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.1, V.11 và V.12). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối kỳ		
Tiền gửi ngân hàng	3.000.000.000	Tất cả các tài sản được thế chấp cho hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/83520/HĐHM với BIDV nhằm đảm bảo cho hạn mức vay ngắn hạn và bảo lãnh thanh toán 200.000.000.000 VND
Phải thu khách hàng, quyền quản lý, nguồn thu dự án Unitown	163.000.000.000	
Máy móc thiết bị	12.873.146.811	
Quyền sử dụng đất	40.314.080.000	
Cộng	219.187.226.811	
Số đầu năm		
Tiền gửi ngân hàng	30.000.000.000	Tài sản dùng đảm bảo cho các khoản vay của Công ty cổ phần của sở mùa xuân.
Tiền gửi ngân hàng	3.000.000.000	Tài sản được thế chấp cho hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐHM với BIDV nhằm đảm bảo cho hạn mức vay ngắn hạn và bảo lãnh thanh toán hạn mức là 200,000,000,000 VND
Phải thu khách hàng, quyền quản lý, nguồn thu dự án Unitown	163.000.000.000	
Máy móc thiết bị	50.339.561.387	
Quyền sử dụng đất	40.314.080.000	
Cộng	286.653.641.387	

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 30 tháng 6 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt.

- Đối với khách hàng liên quan đến hoạt động thương mại và sản xuất (chủ yếu liên quan đến Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên và các công ty cùng tập đoàn) nên khả năng thu hồi vốn luôn được đảm bảo.
- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản yêu cầu khách hàng phải thanh toán đầy đủ và đúng tiến độ mới bàn giao nhà cho khách hàng. Riêng đối với trường hợp mua nhà trả trong nhiều năm, bộ phận kinh doanh bất động sản theo dõi chi tiết thời hạn thanh toán để có thể thu tiền cho đúng tiến độ.
- Đồng thời nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc các bộ phận khác để thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	315.828.560.954	-	-	315.828.560.954
Vay và nợ	160.732.064.343	150.000.000.000	-	310.732.064.343
Phải trả người lao động	2.023.576.840	-	-	2.023.576.840
Chi phí phải trả	435.711.238.649	-	-	435.711.238.649
Các khoản phải trả khác	258.714.943.085	294.385.950	-	259.009.329.035
Cộng	1.173.010.383.871	150.294.385.950	-	1.323.304.769.821
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	341.726.012.269	-	-	341.726.012.269
Vay và nợ	117.580.482.251	150.000.000.000	-	267.580.482.251
Phải trả người lao động	2.565.875.762	-	-	2.565.875.762
Chi phí phải trả	390.161.886.500	-	-	390.161.886.500
Các khoản phải trả khác	121.406.869.965	339.904.697	-	121.746.774.662
Cộng	973.441.126.747	150.339.904.697	-	1.123.781.031.444

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Kỳ này		
	+ 02	(449.123.276)
	- 02	449.123.276
Kỳ trước		
	+ 02	(449.123.276)
	- 02	449.123.276

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất cố lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

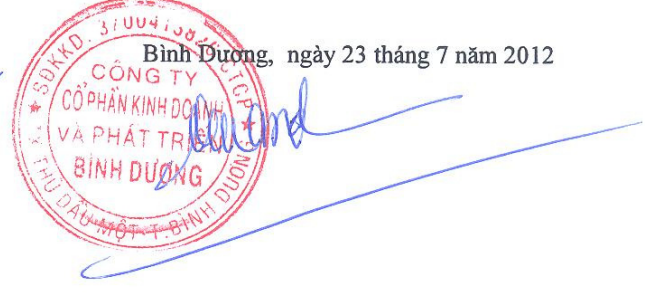
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Thông tin khác

Như đã trình bày ở Thuyết minh IV.18 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ của nợ ngắn hạn là 5.128.341.865 VND (số cuối năm trước là 5.278.598.846 VND) được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì được kết chuyển vào chi phí theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

Bình Dương, ngày 23 tháng 7 năm 2012

 Nguyễn Thị Tuyết Nga Người lập biểu	 Lý Thị Bình Kế toán trưởng	 Đoàn Văn Thuận Tổng Giám đốc
--	---	--

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,812,860,786	(439,592,214)	28,331,589,757	13,537,934,890	169,453,953,949	1,217,537,871,008
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	125,218,046,801	125,218,046,801
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(80,000,000,000)	(80,000,000,000)
Giảm phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	1,067,150,028	1,067,150,028
Chi quỹ trong năm	-	-	(172,120,972)	-	-	-	-	(172,120,972)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	-	439,592,214	-	-	-	439,592,214
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	(5,278,598,846)	-	-	-	(5,278,598,846)
Số dư cuối năm trước	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,640,739,814	(5,278,598,846)	28,331,589,757	13,537,934,890	215,739,150,778	1,258,811,940,233
Số dư đầu năm nay	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,640,739,814	(5,278,598,846)	28,331,589,757	13,537,934,890	215,739,150,778	1,258,811,940,233
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	33,858,734,902	33,858,734,902
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(9,390,394,987)	(9,390,394,987)
Chia cổ tức năm kỳ này	-	-	-	-	-	-	(200,000,000,000)	(200,000,000,000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	-	5,278,598,846	-	-	-	5,278,598,846
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	-	-	(5,128,341,865)	-	-	-	(5,128,341,865)
Số dư cuối kỳ	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,640,739,814	(5,128,341,865)	28,331,589,757	13,537,934,890	40,207,490,693	1,083,430,537,129

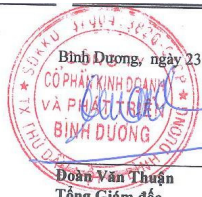


Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 23 tháng 7 năm 2012



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	253,512,456,971	8,599,297,200	259,137,783,767	-	521,249,537,938
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	253,512,456,971	8,599,297,200	259,137,783,767	-	521,249,537,938
Chi phí bộ phận	158,834,008,670	6,808,942,151	286,756,526,821		452,399,477,642
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	94,678,448,301	1,790,355,049	(27,618,743,054)	-	68,850,060,296
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(37,378,779,659)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					31,471,280,637
Doanh thu hoạt động tài chính					14,154,756,316
Chi phí tài chính					(21,067,430,927)
Thu nhập khác					21,337,807,271
Chi phí khác					(1,663,043,628)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(10,374,634,767)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					33,858,734,902
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2,302,976,818	6,669,165,605	264,438,181	-	9,236,580,604
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	123,636,676	1,519,188,255	1,584,459,352	-	3,227,284,283
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	152,731,115,082	96,866,377,045	483,359,094,043	-	732,956,586,170
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	-	-	-
Chi phí bộ phận	152,731,115,082	96,866,377,045	483,359,094,043	-	732,956,586,170
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	140,419,188,114	89,995,845,372	392,619,046,307		623,034,079,793
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	12311926968	6870531673	90740047736	0	109,922,506,377
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(33,135,208,305)
Doanh thu hoạt động tài chính					76,787,298,072
Chi phí tài chính					6,255,986,311
Thu nhập khác					(10,977,426,232)
Chi phí khác					15,941,919,085
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(130,942,381)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(21,852,179,641)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					-
					66024655214
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					
	1344678097	176853839	10947000	0	1532478936
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					
	368,039,352	5,416,903,894	2,606,172,232	-	8,391,115,478
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					



Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 23 tháng 7 năm 2012

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực tài sản (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	302,354,576,903	22,921,706,976	2,099,355,061,707	-	2,424,631,345,586
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					291,217,794,009
Tổng tài sản					2,715,849,139,595
Nợ phải trả					
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	355,310,839,533	-	1,093,243,536,540	-	1,448,554,376,073
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					183,864,226,393
Tổng nợ phải trả					1,632,418,602,466
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	304,516,151,157	156,829,347,454	2,017,009,059,486	-	2,478,354,558,097
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					172,045,077,603
Tổng tài sản					2,650,399,635,700
Nợ phải trả					
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	117,580,482,251	-	1,242,475,488,262	-	1,360,055,970,513
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					31,531,724,954
Tổng nợ phải trả					1,391,587,695,467



Bình Dương, ngày 23 tháng 7 năm 2012



Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng




Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc